

b) Đối với giảng viên tập sự, thử việc: Thực hiện bằng 50% giờ chuẩn quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 7.

2. Quy đổi giờ chuẩn giữa các bậc học

- Xếp ngạch giảng viên:

Giảng viên đại học – cao đẳng: trình độ từ thạc sĩ trở lên;

Giảng viên trung cấp: trình độ từ đại học trở xuống.

- Quy đổi giờ chuẩn

Mỗi giảng viên được xếp vào một trong hai ngạch giảng dạy (cao đẳng - đại học hoặc trung cấp), mỗi ngạch được quy định số giờ chuẩn khác nhau. Vì vậy, nếu giảng viên nào tham gia giảng nhiều bậc học thì được quy đổi về giờ chuẩn của ngạch đang giảng dạy. Hệ số quy đổi như sau:

Chức danh giảng viên	Dạy bậc ĐH - CĐ	Dạy bậc TC
Giảng viên đại học – cao đẳng	1	0,9
Giảng viên trung cấp nghề	1,1	1
Giảng viên GDTC-GDQP	1	1

3. Giảm giờ chuẩn cho CB-GV kiêm nhiệm

- Hiệu trưởng giảm 95%.
- Phó Hiệu trưởng giảm 90%.
- Trưởng, Phó phòng, trung tâm (thuộc ngạch giảng viên) giảm 80%.
- Bí thư Đảng bộ Trường giảm 70%.
- Chủ tịch Công đoàn trường giảm 70%.
- Bí thư Đoàn trường giảm 70%.
- Phó Bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội sinh viên giảm 60%.
- Phó Chủ tịch Hội sinh viên giảm 50%.
- Trưởng khoa, viện giảm 70%.
- Phó khoa, viện giảm 30%.
- Tổ trưởng (chủ nhiệm) bộ môn giảm 20%.
- Bí thư Đoàn cơ sở, Chủ tịch Hội sinh viên cơ sở giảm 20%.
- Bí thư đoàn Khoa, Viện, Trung tâm giảm 10%.
- Trưởng cơ sở giảm 95%.
- Phó cơ sở giảm 80%.

- Đối với cán bộ - giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ thì chỉ được giảm một lần đối với kiêm nhiệm có mức giảm cao nhất.
- Đối với cán bộ quản lý thuộc khối hành chính (hưởng lương theo ngạch giảng viên), được dạy trong giờ hành chính đối với số tiết chuẩn quy định. Nếu dạy vượt tiết chuẩn thì không tính giờ phụ trội.
- Đối với cán bộ quản lý khoa (trưởng, phó khoa), ngoài số tiết chuẩn giảng dạy theo quy định trên (*giảm giờ chuẩn cho CB-GV kiêm nhiệm*), có thể dạy vượt giờ nhưng không quá 100% số tiết chuẩn quy định.

Phòng CTCT-CTSV, Đào tạo, Tổ chức – Hành chính và Tài chính – Kế toán có trách nhiệm phối hợp theo dõi để thanh toán giờ trội vào cuối năm học.

4. Một số quy đổi về giờ chuẩn

a) Quy đổi hệ số lớp đông

- Đối với giảng viên dạy lý thuyết
 - Lớp học có từ 60 học sinh, sinh viên trở xuống: tính bằng 1 giờ chuẩn;
 - Lớp học có số học sinh, sinh viên trên 60 đến 80: tính bằng 1,1 giờ chuẩn;
 - Lớp học có số học sinh, sinh viên trên 80 đến 100: tính bằng 1,2 giờ chuẩn;
 - Lớp học có số học sinh, sinh viên từ trên 100 đến 120: tính bằng 1,3 giờ chuẩn;
 - Riêng môn giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng không quy đổi hệ số lớp đông.
- Đối với giảng viên dạy thực hành, thí nghiệm
 - Lớp học có từ 30 học sinh, sinh viên trở xuống: tính bằng 1 giờ chuẩn;
 - Lớp học có trên 30 học sinh, sinh viên: tính bằng 1,1 giờ chuẩn.

b) Các quy đổi khác

- Một tiết giảng lý thuyết trên lớp, thời gian là 45 phút được tính bằng 1 giờ chuẩn.
- Một tiết hướng dẫn thực hành, thí nghiệm trên lớp tính bằng 2/3 giờ chuẩn.
- Một tiết hướng dẫn thảo luận, hội thảo bằng 1 giờ chuẩn.
- Giảng viên dạy GDTC&GDQP: 1 tiết thực hành bằng 1 giờ chuẩn.
- Giảng viên trực tiếp dạy trực tuyến được tính bằng 1,3 giờ chuẩn cho 2 lớp; 1,5 giờ chuẩn cho 3 lớp trở lên.
- Giảng viên trợ giảng trực tuyến được tính bằng 1 tiết lý thuyết.

- Nhân viên kỹ thuật phục vụ lớp trực tuyến, nếu làm ngoài giờ thì được chấm công theo sổ giờ thực tế và được thanh toán theo quy chế chi tiêu nội bộ.
- Một tiết lý thuyết lớp chất lượng cao, lớp quốc tế nếu dạy bằng giáo trình tiếng Anh và có slide bài giảng bằng tiếng Anh được tính bằng 1,5 giờ chuẩn.
- Một tiết lý thuyết sau đại học, được tính bằng 1,5 giờ chuẩn.
- Giáo viên chủ nhiệm lớp (lớp sinh viên): 1 tiết/tháng/lớp.
- Giáo viên chủ nhiệm lớp chất lượng cao: 2 tiết/tháng/lớp.

Điều 8. Định mức hướng dẫn làm đồ án, chuyên đề, thực tập xí nghiệp

- Hướng dẫn và chấm đồ án môn học: 0,5 tiết/sinh viên;
- Hướng dẫn làm chuyên đề tốt nghiệp (học phần bổ sung): 0,5 tiết/sinh viên;
- Hướng dẫn làm đồ án (khóa luận) tốt nghiệp:
 - + Đối với bậc cao đẳng: mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 10 sinh viên. Định mức: 4 tiết/sinh viên (nếu giảng viên ngoài trường: 8 tiết/sinh viên).
 - + Đối với bậc đại học: mỗi giảng viên hướng dẫn không quá 10 sinh viên. Định mức: 5 tiết/sinh viên (nếu giảng viên ngoài trường: 10 tiết/sinh viên).
 - + Đối với bậc sau đại học và thạc sĩ: giảng viên có học vị tiến sĩ hướng dẫn không quá 5 học viên, giáo sư - phó giáo sư hướng dẫn không quá 8 học viên. Định mức 12 tiết/học viên.
- Hướng dẫn học sinh – sinh viên thực tập xí nghiệp được chi trong khoản phí đối ngoại do đơn vị đào tạo thực hiện. Khoản phí đối ngoại, phương tiện đi lại liên hệ địa điểm thực tập khoán chung là 30.000 đồng/học sinh.
- Hướng dẫn và chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp được chi từ học phần tốt nghiệp: đại học 20.000 đồng/báo cáo (chấm hai lượt); cao đẳng và trung cấp 10.000 đồng/báo cáo (chấm hai lượt).
- Chế độ coi thi, chấm thi tốt nghiệp, tham gia hội đồng bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp (nếu có) thì được khoa thanh toán theo mức tự cân đối trong khoản thu lệ phí thi tốt nghiệp.

Điều 9. Chế độ đối với cán bộ, giảng viên đi học nâng cao trình độ

1. Giảng viên học nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài được Trường cử đi học, cam kết sau khi tốt nghiệp về Trường công tác gấp 3 lần thời gian đi học, được hưởng chế độ:

a) Đối với nghiên cứu sinh trong nước

- Nếu tham gia giảng dạy thì được giảm 150 tiết/năm học, được nhận chế độ lương, thưởng 100% như cán bộ - giảng viên đi làm việc bình thường, được hỗ trợ tiền học phí theo mức thu của cơ sở đào tạo. Chỉ được áp dụng trong thời gian là 4 năm kể từ ngày nhập học, nếu quá 4 năm Nhà trường không giảm tiết và không hỗ trợ học phí. Sau khi tốt nghiệp được Nhà trường thưởng 50.000.000 đồng.
- Nếu đi học tập trung, không tham gia giảng dạy thì được hưởng lương kỳ 1 (được áp dụng trong thời gian là 3 năm kể từ ngày nhập học); được nhận 50% tiền thưởng các ngày lễ, tết hàng năm. Sau khi tốt nghiệp được Nhà trường thưởng 50.000.000 đồng.

b) Đối với nghiên cứu sinh nước ngoài: Hàng tháng được hưởng lương kỳ 1 và chỉ được áp dụng trong thời gian tối đa là 4 năm kể từ ngày nhập học; được nhận 50% tiền thưởng các ngày lễ, tết hàng năm. Sau khi tốt nghiệp được nhà trường thưởng 50.000.000 đồng.

c) Đối với cán bộ - giảng viên giữ chức vụ quản lý từ Trưởng bộ môn trở lên, được Nhà trường cử đi học cao học hoặc nghiên cứu sinh (tập trung, dài hạn), nếu không tham gia công tác tại trường từ 6 tháng trở lên thì đương nhiên sẽ nghỉ chức vụ. Nhà trường sẽ bổ nhiệm người khác thay thế.

Đối với ba trường hợp trên, sau khi tốt nghiệp giảng viên không thực hiện đúng cam kết làm việc tại trường thì phải bồi hoàn toàn bộ chi phí: tiền lương, tiền thưởng, học phí trong thời gian đi học.

2. Chế độ đãi ngộ, thu hút đối với cán bộ, giảng viên có trình độ cao

- Những cán bộ, giảng viên có học vị tiến sĩ, tuổi đời dưới 50 đối với nam, 45 đối với nữ về nhận công tác tại Trường được hỗ trợ 50.000.000 đồng.
- Những cán bộ, giảng viên có chức danh phó giáo sư, tuổi đời dưới 50 đối với nam, 45 đối với nữ về nhận công tác tại Trường được hỗ trợ 70.000.000 đồng.
- Những cán bộ, giảng viên có chức danh giáo sư, tuổi đời dưới 50 đối với nam, 45 đối với nữ về nhận công tác tại Trường được hỗ trợ 100.000.000 đồng.

Tất cả các đối tượng trên phải cam kết phục vụ tại trường tối thiểu 5 năm. Nếu nghỉ việc trước thời hạn, phải hoàn lại toàn bộ số tiền trên cho Trường.

3. Cán bộ, giảng viên đi bồi dưỡng ngắn hạn, hội nghị, hội thảo

- Cán bộ, giảng viên được cử đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (ngắn hạn) được hưởng nguyên lương và các chế độ khác của Trường, được hỗ trợ toàn bộ học phí và tiền tàu xe.
- Cán bộ, giảng viên được Trường cử đi dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và nước ngoài được thanh toán toàn bộ chi phí ăn ở, đi lại. Nếu đi với tư cách cá nhân thì phải tự túc toàn bộ chi phí.

Điều 10. Thanh toán giờ trội, giảm trừ thiếu giờ

- Giờ trội tính theo năm học trên cơ sở số giờ thực tế giảng dạy của giảng viên, nếu giảng viên có nhiều giờ trội trong học kỳ thì giải quyết tạm ứng vào cuối học kỳ và quyết toán vào cuối năm học.
- Giảng viên dạy chưa đủ giờ theo tiêu chuẩn được ghi nợ sang năm học sau, mức ghi nợ tối đa 100 tiết. Trường hợp nợ trên 100 tiết thì trừ vào lương kỳ 2 cho tới khi đủ số giờ được nợ. Mức trừ 1 tiết được tính bằng đơn giá của 1 tiết phụ trội tính cho giảng viên đó.
- Sau một năm, giảng viên không trả đủ số tiết nợ thì Nhà trường sẽ trừ vào lương kỳ 2 hàng tháng.
- Nếu năm sau nữa, giảng viên vẫn không dạy đủ số giờ chuẩn, thì có hai trường hợp xảy ra:
 - + Dạy thiếu dưới 50% giờ chuẩn thì trừ vào lương kỳ 2 như trường hợp trên.
 - + Dạy thiếu trên 50% giờ chuẩn thì không nhận lương kỳ 2, mà chỉ dạy tiết nào hưởng tiết đó theo định mức giờ tương ứng.

1. Định mức thanh toán giờ trội đối với CB-GV

- Đại học và trình độ khác: 75.000 đồng/tiết
- Thạc sĩ: 85.000 đồng/tiết
- Tiến sĩ, GVC: 100.000 đồng/tiết
- Phó giáo sư, GVCC: 140.000 đồng/tiết
- Giáo sư: 180.000 đồng/tiết

2. Định mức thanh toán đối với giảng viên thỉnh giảng

a) Hệ sau đại học

- Thạc sĩ: 100.000 đồng/tiết

- Tiến sĩ, GVC: 110.000 đồng/tiết
- Phó giáo sư, GVCC: 140.000 đồng/tiết
- Giáo sư: 180.000 đồng/tiết

b) Hệ đại học

- Đại học và trình độ khác: 80.000 đồng/tiết
- Thạc sĩ: 90.000 đồng/tiết
- Tiến sĩ, GVC: 100.000 đồng/tiết
- Phó giáo sư, GVCC: 120.000 đồng/tiết
- Giáo sư: 150.000 đồng/tiết

c) Hệ cao đẳng và trung cấp

- Đại học và trình độ khác: 70.000 đồng/tiết
- Thạc sĩ: 80.000 đồng/tiết
- Tiến sĩ: 90.000 đồng/tiết
- Phó giáo sư: 100.000 đồng/tiết
- Giáo sư: 120.000 đồng/tiết

Việc mời giảng viên ngoài trường chỉ khi nào trong khoa thiếu hoặc không có giảng viên phụ trách. Trường các đơn vị đào tạo phải đăng ký hồ sơ giảng viên trên phần mềm quản lý thành giảng để Nhà trường xem xét và quyết định, chỉ khi nào có mã số mới được giảng dạy.

3. Đối với giảng viên thử việc

- Được hưởng lương cơ bản theo quy định đối với giảng viên thử việc;
- Giảng tiết nào được thanh toán tiết đó, theo mức 80.000 đồng/tiết đối với giảng viên có trình độ đại học, 90.000 đồng/tiết đối với giảng viên có trình độ thạc sĩ.

Phải giảng dạy ít nhất 1/2 số giờ chuẩn/năm thì mới được hưởng lương cơ bản.

4. Phụ cấp cho cán bộ, giảng viên có học hàm, học vị

- Tiến sĩ: 2.000.000 đồng/tháng;
- Phó giáo sư : 3.000.000 đồng/tháng;
- Giáo sư: 5.000.000 đồng/tháng.

Khoản phụ cấp này áp dụng cho tất cả cán bộ, giảng viên toàn trường và sẽ chi cùng đợt với lương kỳ 1, nhưng lập theo một danh sách riêng.

5. Phụ cấp trực Ban giám hiệu: 5.000.000 đồng/người/tháng, căn cứ vào sổ trực Ban Giám hiệu, chi từ quỹ phúc lợi, khen thưởng.

Điều 11. Các chế độ phụ cấp khác

1. Hệ số phụ cấp trách nhiệm

- Hiệu trưởng	12m
- Chủ tịch Hội đồng trường	12m
- Phó Hiệu trưởng	10m
- Bí thư Đảng bộ trường	9m
- Trường cơ sở	9m
- Trưởng phòng, Khoa, Viện, Trung tâm	8m
- PGĐ, Tổng biên tập Nhà xuất bản	8m
- Chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn trường	8m
- Phó trưởng cơ sở	7m
- Trưởng phòng - khoa thuộc Cơ sở, NXB	6m
- Phó phòng, Khoa, Viện, Trung tâm	5m
- Phó tổng biên tập NXB	5m
- Phó phòng, khoa thuộc Cơ sở, NXB	4m
- Chủ nhiệm Bộ môn (thuộc Trường)	4m
- Chủ tịch Hội SV trường	3m
- Bí thư Đoàn các cơ sở:	3m
- Trưởng bộ môn (khối đào tạo)	3m
- Chủ nhiệm Câu lạc bộ Nghiên cứu trẻ	3m
- Thủ quỹ cơ sở chính:	3m
- Phó chủ nhiệm bộ môn (thuộc trường)	2m
- Tổ trưởng	2m
- Phó bộ môn (khối đào tạo)	1m
- Phó chủ nhiệm CLB Nghiên cứu trẻ	1m
- Bí thư chi bộ	2m
- Chủ tịch Công đoàn bộ phận	2m
- UVTV Công đoàn Trường	2m
- UVBCH Công đoàn Trường	1m

- Chủ tịch Hội sinh viên các cơ sở 1m
- Bí thư Đoàn khoa thuộc cơ sở chính 1m

(*m*: Tham số; *m* phụ thuộc vào tỉ lệ tổng kinh phí chi cho con người với tổng nguồn thu của nhà trường).

Tính từ 01/7/2015, tham số $m = 1.000.000đ$ (thông qua Hội nghị CB-VC quyết định).

Mỗi CB-GV-CNV có thể kiêm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau, nhưng chỉ được hưởng một chế độ phụ cấp có hệ số cao nhất. Hệ số phụ cấp trách nhiệm được tính cùng với đợt lương.

2. Thương các ngày lễ, tết

- Trung thu CB-GV-CNV: 500.000 đồng
- Ngày Quốc tế Thiếu nhi, mỗi cháu: 200.000 đồng
- Ngày Quốc tế Phụ nữ: 300.000 đồng
- Ngày Thầy thuốc Việt Nam: 300.000 đồng
- Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12): 300.000 đồng
- Ngày Thương binh liệt sĩ: 500.000 đồng
- 6 ngày lễ (1/1, 30/4, 2/9, 20/11, 24/12, 10/3 AL), mỗi ngày: 1.000.000 đồng
- Thương tết Nguyên đán (tháng lương 13): $(\text{lương } 1 + \text{TNTT}) \times k$
(*k*: Hệ số. *k* phụ thuộc vào tỉ lệ tổng kinh phí chi cho con người với tổng nguồn thu của nhà trường).

- **Lưu ý:** Thương tết không thực hiện cho CB-VC xin thôi việc, bỏ việc, chuyển công tác đi cơ quan khác mà thời gian làm việc chưa đủ 12 tháng.

- **Tết âm lịch năm 2016 hệ số $k = 1$** (thông qua Hội nghị CB-VC năm 2015)

3. Hiếu hỉ trợ cấp khó khăn (chi từ quỹ Công đoàn)

- Thân nhân bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con nếu có việc hiếu xảy ra được trợ cấp 1.000.000 đồng, một vòng hoa và đồ cúng trị giá tối đa là 400.000 đồng, được nghỉ ba ngày có chấm công.
- CB-GV-CNV được trợ cấp 1.000.000 đồng khi bản thân lấy vợ hoặc lấy chồng. Các trường hợp khác chỉ trợ cấp khi xét thấy CB-CNV thật sự khó khăn, mức trợ cấp này tối thiểu là 500.000 đồng, tối đa là 1.000.000 đồng.

4. Chế độ thai sản, ốm đau, hưu trí